

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 7.02**

Số: 12/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Lai Châu, ngày 08 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7.02

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 9/6/2006 và các văn bản hướng dẫn luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Sông Đà 7.02 để phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và tình hình thực tế của Công ty (có dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty kèm theo).

Trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VP/HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Nhuận

DỰ THẢO

NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02

(Kèm theo tờ trình Số: 12/TTr-S72-HĐQT ngày 08/04/2021 của Hội đồng quản trị)

Điều khoản liên quan	Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện tại	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
Phần mở đầu	Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày 18/5/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02	<i>Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày /04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02</i>	Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Điều 1. Căn cứ pháp lý. Khoản 1	1. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp;	<i>. Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp;</i>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
Điều 2. Giải thích thuật ngữ. Khoản 1	1. “Công ty” là Công ty cổ phần Sông Đà 7.02, có trụ sở tại Bản Chu Va 12, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400232452 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 25/11/2004, thay đổi lần thứ 17 ngày 10/10/2017.	<i>1. “Công ty” là Công ty cổ phần Sông Đà 7.02, có trụ sở tại Bản Chu Va 12, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400232452 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 25/11/2004, thay đổi lần thứ 18 ngày 12/09/2018.</i>	Thay đổi nội dung Đăng ký kinh doanh
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu. Khoản 1, khoản 3	1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 điều 20 Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số	<i>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 điều 20 Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu</i>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14



	<p>phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>3. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 144 luật doanh nghiệp.</p>	<p><i>biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</i></p> <p><i>3. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 148 luật doanh nghiệp.</i></p>	<p>ngày 17/06/2020</p>
<p>Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết liên tục trong sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p><i>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020</p>
<p>Điều 10. Lập biên bản ĐHĐCĐ. Khoản 1 mục i</p>	<p>1.i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p><i>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</i></p> <p><i>- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i></p> <p><i>- Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020</p>

5A00
CỔ
CỔ
ÔNG
ƯƠN

<p>Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Khoản 2, khoản 8</p>	<p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p><i>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p><i>8. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</i></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020</p>
<p>Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT. Khoản 1</p>	<p>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;</p>	<p><i>1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</i></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020</p>
<p>Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT.</p>	<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng</p>	<p><i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</i></p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020</p>

1324

IG T

HÀ

ĐÀ T

1

	viên.		
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 điều 164 luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:	<i>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 điều 169 luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</i>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
Điều 43. Ngày hiệu lực. Khoản 1	1. Quy chế này gồm 11 chương 43 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2018;	<i>1. Quy chế này gồm 11 chương 43 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2021;</i>	Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

